

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 3 - 2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thu
2. Bà Hồ Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Diên Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Ông Hà Đức Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện QL, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1988. Có mặt.

Nghề nghiệp: Giáo viên.

Địa chỉ: Xóm 10-Tiến Thành, xã QT, huyện QL, Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1985. Có mặt.

Nghề nghiệp: Công nhân xây dựng.

Địa chỉ: Xóm 5, xã QV, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn; bản tự khai; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và A Phạm Văn N kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Liên, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An vào ngày 09/12/2011, hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống

anh N và gia đình anh không tôn trọng chị A, anh N và gia đình tạo áp lực cho chị A, chửi bới xúc phạm tới chị và gia đình chị, anh không quan tâm đến gia đình, quan điểm của vợ chồng hoàn toàn khác nhau, chị A đã cố gắng kìm nén lâu nay, thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài hôn nhân thêm nữa. Nên chị Nguyễn Thị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn N.

Về con chung: Chị A và anh N có 01 con chung là Phạm Văn H, sinh ngày 28/9/2012. Từ trước tới nay con học và sống cùng với chị A ở tại Ký túc xá Trường tiểu học QT A, nhưng khi chị A yêu cầu Tòa cho ly hôn thì vào hồi 13 giờ, ngày 26/02/2019 thì anh N cùng mẹ đẻ anh lên Trường tiểu học QT A đón về Quỳnh Văn ở. Hiện con đang ở với anh N, không được đi học từ ngày 26/02/2019 cho đến nay. Khi anh đón con về thì không cho chị liên lạc và thăm nom con chung. Ly hôn chị A yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000^d(Một triệu đồng) kể từ tháng 03/2019 cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Văn N trình bày:

Thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn và hôn nhân tự nguyện như chị A trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng cũng có mâu thuẫn, nóng tính lên thì anh cũng có chửi bới, xúc phạm chị A nhưng mục đích để khuyên bảo chị ấy. Anh N thấy chị A có tính ích kỷ, ngang bướng và khó chịu, từ lúc làm dâu thì gia đình và anh chưa bắt chị A làm việc mệt nhọc, mọi công việc thì chị ấy bằng mặt nhưng không bằng lòng, chị ấy muốn giải thoát cho chị, không chung tay phụ giúp công việc gia đình. Anh N thấy thu nhập của chị thấp nên anh gửi thêm tiền cho chị chi tiêu, tạo điều kiện cho chị đi học thêm, anh không coi thường công việc của chị. Anh N chưa xúc phạm gia đình bên vợ, thăm hỏi khi ốm đau, làm tròn trách nhiệm người rể. Chị A yêu cầu Tòa cho ly hôn thì anh N không đồng ý ly hôn, đang còn tình cảm vợ chồng với chị A và mong muốn hai người thông cảm cho nhau để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh N và chị A có 01 con chung là Phạm Văn H, sinh ngày 28/9/2012, hiện con đang ở với anh N, ngày 26/02/2019 A đón con về Quỳnh Văn ở và học hành, để chị A nuôi dưỡng thì con sẽ hư hỏng. Khi anh đón con về cho đến nay con chưa được học ở trường mà học thêm ở nhà thầy, cô giáo. Vì lý do chị A không cho con chuyển trường nên anh không cho con đi học ở trường mới được. Nếu chị A kiên quyết ly hôn thì nguyện vọng của anh được nuôi con, không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân tại UBND xã Quỳnh Văn, huyện QL, tỉnh Nghệ An ngày 11/3/2019 về tình trạng hôn nhân của chị A và anh N thì bà Lê Thị Hoàn – Chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ xã Quỳnh Văn cho biết chị A kết hôn với anh N vào ngày 09/12/2011 tại UBND xã Thanh Liên, huyện Thanh Chương, tỉnh

Nghệ An là hoàn toàn tự nguyện. Về mâu thuẫn vợ chồng không được rõ, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật. Về con giữa hai người có 01 con chung, anh N và chị A đều có nguyện vọng nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; thu thập chứng cứ bảo đảm đúng quy định; thông báo về việc thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp và tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đảm bảo. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục, trình tự phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn và bị đơn đều chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị A cho chị A được ly hôn với anh Phạm Văn N.

Về con chung: Giao con chung là Phạm Văn H, sinh ngày 28/9/2012 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 03/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị A và anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị A và Anh Phạm Văn N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Nguyên đơn bị đơn đầy đủ và hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án anh N không có yêu cầu phản tố. Các trình tự tố tụng đã được thực hiện hợp lệ, các đương sự chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A với anh Phạm Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2011 tại UBND xã Thanh Liên, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân tuân thủ các điều kiện kết hôn, như vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Qua trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả xác minh tại UBND xã Quỳnh Văn về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng, theo đó

Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là anh N không tôn trọng chị A, chửi bới xúc phạm tới chị và gia đình chị và không quan tâm đến vợ con. Chị A có ích kỷ, ngang bướng và khó chịu, chị A không phụ giúp công việc gia đình, quan điểm của vợ chồng trong cuộc sống hoàn toàn khác nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị A.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Phạm Văn N có 01 con chung là Phạm Văn H, sinh ngày 28/9/2012. Hiện con đang ở với anh N, nhưng trước tới nay con học và sống cùng với chị A ở tại Ký túc xá Trường tiểu học QT A, nhưng khi chị A yêu cầu Tòa cho ly hôn thì ngày 26/02/2019 anh N đón con về Quỳnh Văn dẫn đến con phải nghỉ học từ ngày 26/02/2019 cho đến nay. Khi anh đón con về thì không cho chị liên lạc và thăm nom con chung. Xét chị Nguyễn Thị A có nguyện vọng, tha thiết được nuôi con chung, là Giáo viên có việc làm, thu nhập ổn định, từ trước đến nay anh N đi làm xa thì hai mẹ con vẫn ở ổn định cho đến nay, quá trình chị A nuôi con thì được cho ăn học đầy đủ, không ảnh hưởng đến sự phát triển của con. Anh N là công nhân xây dựng mặc dù có thu nhập cao hơn, nhưng lại thiếu sự quan tâm đến gia đình, đóng góp không đầy đủ nghĩa vụ nuôi con. Hơn nữa anh N làm công nhân tại Công ty cổ phần Sông Đà 6, chi nhánh Sông Đà 6.03, địa chỉ tại xã Nậm Lúc, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai nên mỗi năm về nhà chỉ vài ba lần, nên việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và cho con đi học không đảm bảo bằng chị A. Mặt khác từ ngày 26/02/2019 đến nay đã một tháng tròn nhưng anh N vẫn không cho con đi học làm ảnh hưởng đến quyền được học hành của con. Vì vậy giao con Phạm Văn H cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Tại phiên tòa chị A yêu cầu anh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng kể từ tháng 03/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị A và anh Phạm Văn N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Phạm Văn N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A, chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Phạm Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Văn H, sinh ngày 28/9/2012 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 03/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Nguyễn Thị A và anh Phạm Văn N không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001913, ngày 21/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện QL. Anh Phạm Văn N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND, THADS huyện QL.
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Thanh Liên, H. Thanh Chương,
Tỉnh Nghệ An;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nguyễn Anh Sơn